

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 750/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 12 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh, bổ sung Định mức đối với một số công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về Thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 02/4/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Định mức công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Thông báo kết luận số 204/TB-UBND ngày 11/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh tại phiên họp giao ban Chủ tịch và các Phó Chủ tịch ngày 11/12/2024;

Theo đề nghị của UBND thành phố Từ Sơn tại Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 26/7/2024; Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 313/BCTĐ-SXD ngày 13/12/2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung Định mức đối với một số công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã được ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-UBND, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung bảng định mức công tác TNTS4.01.00 Quản lý, vận hành nhà máy xử lý nước thải thành phố Từ Sơn (công suất 17.500 m<sup>3</sup>/ngày đêm) (chi tiết theo Phụ lục 1 kèm theo).

2. Điều chỉnh, bổ sung bảng định mức công tác TNTS4.02.00 Quản lý, vận hành dây chuyền xử lý bùn thoát nước (công suất 4.000 tấn/năm) (chi tiết theo Phụ lục 2 kèm theo).

3. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 161/QĐ-UBND của UBND tỉnh.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố Từ Sơn theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm triển khai các bước tiếp theo quy định.

2. Các sở quản lý chuyên ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp, hướng dẫn UBND thành phố Từ Sơn thực hiện công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Từ Sơn đảm bảo theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND thành phố Từ Sơn và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, TNMT, KTTH, XDCB;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đào Quang Khải**

**Phụ lục 1**  
**ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG BẢNG ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC**  
**QUẢN LÝ VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
**THÀNH PHỐ TỪ SƠN (CÔNG SUẤT 17.500M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM)**

(Kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh)

**TNTS4.01.00 QUẢN LÝ, VẬN HÀNH NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ TỪ SƠN (CÔNG SUẤT 17.500 M<sup>3</sup>/NGÀY ĐÊM)**

3. Định mức:

Đơn vị tính: 1.000m<sup>3</sup> nước thải

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TNTS4.01.00	Quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải, công suất 17.500 m <sup>3</sup> /ngày đêm	<b>Vật liệu</b>		
		Polymer	kg	2,250
		NaCLO	kg	1,968
		NaOH 25%	kg	0,189
		<b>Vật liệu phụ</b>		
		Nước làm mát (Glyscorr G93)	lít	0,010
		Dầu diezen	lít	0,0376
		Dầu bôi trơn (dầu máy)	lít	0,056
		Mỡ bôi trơn	kg	0,0042
		<b>Điện năng</b>		
		- Điện tại nhà máy	Kw	155,09
		- Điện các trạm bơm	Kw	127,65
		<b>Nhân công</b>		
Kỹ sư bậc 4/8	công	0,18		
Công nhân cấp bậc bình quân 4/7	công	2,40		

Phụ lục 2

**ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG BẢNG ĐỊNH MỨC CÔNG TÁC  
QUẢN LÝ, VẬN HÀNH DÂY CHUYỀN XỬ LÝ Bùn Thoát Nước  
(CÔNG SUẤT 4.000 TẤN/NĂM)**

(Kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh)

**TNTS4.02.00 QUẢN LÝ, VẬN HÀNH DÂY CHUYỀN XỬ LÝ Bùn Thoát Nước (CÔNG SUẤT 4.000 TẤN/NĂM)**

3. Định mức:

Đơn vị: Tấn bùn

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Định mức
TNTS4.02.00	Quản lý vận hành dây chuyền xử lý bùn thoát nước (công suất 4.000 tấn/năm)	<b>Vật liệu</b> Polymer	kg	1,575
		<b>Vật liệu phụ</b> Dầu bôi trơn (dầu máy)	lít	0,0389
		Mỡ bôi trơn	kg	0,0042
		<b>Điện năng</b> Điện dây chuyền xử lý bùn thoát nước	Kw	186,688
		<b>Nhân công</b> Công nhân cấp bậc bình quân 4/7	công	0,86

10/12/2024